

Bản án số: **65/2025/DS-ST**
Ngày **28/10/2025**
Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2025/TLST- DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-DS ngày 13/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Dương Minh X** - sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Tổng Văn K** - sinh năm 1970

Bà **Đỗ Xuân P** - sinh năm 1977

Địa chỉ: số 49, Khu phố Kinh 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp Kinh 9, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.

(Ông K có đơn xin xét xử vắng mặt, bà P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Minh X trình bày:**

Trước đây từ năm 2015 bà Đỗ Xuân P có vay tiền ông X nhiều lần, vay lắt nhắt, khi vay có lúc ghi biên nhận lúc không, đến ngày 13/6/2021 hai bên ngồi lại

tính toán với nhau số nợ vợ chồng bà P ông K còn thiếu ông X là 150.000.000 đồng, và tiền lãi 6 năm của số tiền 150 triệu là 90 triệu, khi đó hai bên có làm hai tờ biên nhận, 1 biên nhận số tiền 150 triệu tiền gốc, 1 biên nhận số tiền lãi 90 triệu, bà P là người viết biên nhận, vợ chồng bà P và ông K cùng ký tên.

Sau đó khoảng 1 tháng ngày 13/7/2021, thì bà P trả cho ông X được 1.500.000 đồng tiền gốc. Như vậy, bà P ông K còn nợ ông X số tiền gốc là 148.500.000 đồng.

Trong biên nhận không có ghi lãi, nhưng các bên thoả thuận trả lãi theo lãi suất ngân hàng 10%/năm.

Ông X có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà P ông K chỉ hứa mà vẫn chưa trả cho ông Xiên.

Tại phiên toà ông X yêu cầu: Ông X yêu cầu Toà án buộc vợ chồng bà Đỗ Xuân P ông Tống Văn K trả cho ông X số tiền là 238.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng và tiền lãi là 90 triệu đồng).

Ngoài ra ông X còn yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 148.500.000 đồng kể từ ngày 13/7/2021 cho đến ngày xét xử.

*** Theo biên bản hoà giải ngày 30/9/2025 và tại phiên toà bị đơn bà Đỗ Xuân P trình bày:**

Trước đây vào năm 2018 vợ chồng bà P ông K có vay tiền nhiều lần của ông X, đến ngày 13/6/2021 các bên có ngồi lại tính toán thì ông K bà P còn thiếu ông X 150 triệu tiền gốc, biên nhận trên do bà P viết, bà P ông K cùng ký tên.

Đối với biên nhận cùng ngày 13/6/2021 có ghi 90 triệu tiền lãi, biên nhận này bà P là người viết và hai vợ chồng bà P ông K cùng ký và ghi họ tên, số tiền 90 triệu lãi này xuất phát từ nợ gốc của 150.000.000 triệu đồng nợ ông X.

Từ khi làm biên nhận nợ gốc trên thì sau 1 tháng, hai bên thống nhất ngày 13/7/2021 bà P đã trả cho ông X được 1.500.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn thiếu lại là 148.500.000 đồng.

Trong biên nhận không có thoả thuận lãi, hai bên cũng không thoả thuận miệng lãi suất là bao nhiêu, vì ông X tự tính và nói số tiền lãi là 90 triệu, vợ chồng bà P, ông K cũng đồng ý và ký vào biên nhận số tiền lãi 90 triệu.

Tại phiên toà bà P yêu cầu: Bà P xác nhận vợ chồng bà P, ông K còn nợ ông X số tiền gốc là 148.500.000 đồng, và 90 triệu tiền lãi.

Bà P, ông K yêu cầu ông X bỏ số tiền lãi 90 triệu của biên nhận 13/6/2021, đối với số tiền nợ gốc 148.500.000 đồng thì bà P, ông K đồng ý trả cùng với tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13/7/2021, vì gia đình khó khăn con bà P ông K bị bệnh nên bà P ông K xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên, việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hai bên đều xác nhận ông Dương Minh X và vợ chồng ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P tự nguyện giao kết hợp đồng vay tiền ngày 13/6/2021, bà P ông K có vay của ông X số tiền 150.000.000 đồng, và cùng ngày 13/6/2021 vợ chồng bà P ông K có ký biên nhận số tiền lãi 6 năm của số tiền 150 triệu là 90 triệu, đến ngày 13/7/2021 bà P ông K đã trả được 1.500.000 đồng tiền gốc, ông X yêu cầu bà P ông K trả số tiền là 238.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng và tiền lãi là 90 triệu đồng). Ngoài ra ông X còn yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 148.500.000 đồng kể từ ngày 13/7/2021 cho đến ngày xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh X.

Buộc bị đơn ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P trả cho ông Dương Minh X số tiền 238.500.000 đồng, và tiền lãi trên số nợ gốc 148.500.000 đồng từ ngày 13/7/2021 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P có địa chỉ tại khu phố Kinh 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp Kinh 9, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang. (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang).

Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, bị đơn ông Tống Văn K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông Tống Văn K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn ông Dương Minh X khởi kiện yêu cầu ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P phải thanh toán số tiền 238.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng và tiền lãi là 90 triệu

đồng), đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh X yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P phải trả số tiền 238.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng và tiền lãi là 90 triệu đồng), là có căn cứ.

Bị đơn ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P thừa nhận vợ chồng ông K, bà P có nợ ông Dương Minh X số tiền 238.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng và tiền lãi là 90 triệu đồng), đây là tình tiết, sự kiện có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. **(BL 28, 29).**

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vợ chồng ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P phải trả cho nguyên đơn số tiền là 238.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng và tiền lãi là 90 triệu đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi của ông X: yêu cầu ông K, bà P phải trả lãi trên số nợ gốc 148.500.000 đồng kể từ ngày 13/7/2021 cho đến ngày xét xử, do trong biên nhận không có ghi lãi suất, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Số tiền gốc 148.500.000 đồng, tính lãi từ ngày 13/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/10/2025 là 51 tháng 15 ngày (ông X đồng ý tính tròn là 51 tháng), được tính như sau: $148.500.000đ \times 0,83\% \times 51 \text{ tháng} = 62.860.050 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 301.360.050 đồng.

Đối với yêu cầu của bà P ông K về việc yêu cầu ông X bỏ số tiền lãi 90 triệu của biên nhận 13/6/2021, đối với số tiền nợ gốc 148.500.000 đồng thì bà P ông K đồng ý trả cùng với tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13/7/2021, vì gia đình khó khăn con bà P ông K bị bệnh nên bà P ông K xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu xin không tính lãi và trả dần của ông K và bà P, nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ và các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự buộc vợ chồng ông K, bà P phải trả cho ông X số tiền 301.360.050 đồng (trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng và tiền lãi 152.860.050 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P phải chịu án phí trên số tiền trả cho ông

X là 301.360.050 đồng, được tính như sau: $301.360.050 \text{ đồng} \times 5\% = 15.068.002 \text{ đồng}$.

- Hoàn trả lại cho ông Dương Minh X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013566 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - An Giang), do yêu cầu khởi kiện của ông X được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463; 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh X về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân Phương.

2. Buộc ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P phải trả cho ông Dương Minh X số tiền vay vốn gốc và lãi là: 301.360.050 đồng (ba trăm lẻ một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng). Trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi 152.860.050 đồng (một trăm năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Tống Văn K và bà Đỗ Xuân P phải chịu án phí trên số tiền trả cho ông X là 301.360.050 đồng, được tính như sau: $301.360.050 \text{ đồng} \times 5\% = 15.068.002 \text{ đồng}$ (Mười lăm triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm lẻ hai đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Dương Minh X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013566 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - An Giang).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Tống Văn K vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến